

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2018/DS-PT
Ngày 07-11-2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trương Thái Hồng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 05, 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị D, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp L, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị H1, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Q (N), sinh ngày 06-4-1958; cư trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bà Phan Thị Thu V, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp T1, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Bà Phan Thị L, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Ông Phan Văn L2 (C), sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

7. Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp T2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

8. Chị Phan Thị Thu T1, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

9. Anh Phan Thanh T2, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

10. Anh Phan Thanh T3, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

11. Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

12. Chị Ngô Thị Kiều O, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp S, xã P, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

13. Chị Ngô Kiều A, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp S, xã L1, thành phố V, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

14. Anh Ngô Phương Q, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp S, xã L1, thành phố V, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O, chị A, anh Q: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền ngày 29-9-2017; có mặt.

15. Anh Phan Minh T4, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp T2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

16. Anh Phan Hồng T5, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T4, anh T5: Bà Lê Ngọc D1, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp T2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 11-7-2017; có mặt.

17. Ông Lê Văn C1, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 11, Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

18. Chị Nguyễn Thị Thanh T6, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phan Thị D trình bày:

Cha bà là cụ Phan Văn M sinh năm 1930, chết ngày 26-9-2010 và mẹ là cụ Lê Thị R sinh năm 1930, chết ngày 24-9-2000. Cụ M và cụ R chung sống với nhau sinh được 09 người con gồm: Phan Thị D, Phan Thị Q (N), Phan Thị L, Phan Thị Thu V, Phan Văn L2, Phan Thị H1;

Phan Thị N1 chết ngày 22/9/1980, có 04 người con: Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q và Phan Văn Đ (Do cụ M đi làm giấy khai sinh cho anh Đ lấy họ mẹ và khai sinh năm 1981, nhưng thực tế anh Đ sinh năm 1980);

Phan Trung M1 chết ngày 14/3/2000 có 02 người con: Phan Minh T4, sinh năm 1980 và Phan Hồng T5 sinh năm 1981;

Phan Văn N2 chết ngày 22/10/2016 có vợ Lê Thị Thu H và 04 người con: Phan Thị Thu T, sinh năm 1989, Phan Thị Thu T1, sinh năm 1991, Phan Thanh T2, sinh năm 1993 và Phan Thanh T3, sinh năm 1999.

Ngoài ra cụ M và cụ R không có con nuôi hay con riêng, cha mẹ cụ M và cụ R đều đã chết.

Khi cụ R còn sống, cụ M và cụ R chưa phân chia tài sản cho các con. Sau khi cụ R chết, đến năm 2006 cụ M cùng các con cháu thống nhất cụ M chia cho mỗi người con một phần đất có diện tích ngang 10 m, riêng bà H1 được chia 16 m ngang và đã được chuyển quyền sử dụng đất từ cụ M sang các con xong. Sau khi cụ M mất thì các con cháu đã tự động phân chia tài sản của cụ để lại cho mỗi người 20.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Nhưng thực tế mỗi người chỉ nhận 17.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, số còn lại chia cho những người cô là em cụ M.

Ngoài ra còn những tài sản khác chưa chia gồm:

- 01 phần đất có diện tích 14.138 m², qua đo đạc thực tế có diện tích 19.393,6 m², tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trong đó có 14.138 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02250 cấp ngày 06-01-1996 do

cụ M đứng tên và 5.255,6 m² đã kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, toàn bộ phần đất này hiện do bà H1 đang quản lý, sử dụng.

- 01 phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 1.889 m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00183, ngày 31-7-2001, do cụ M đứng tên. Trên đất có 03 căn nhà gồm nhà cụ M do bà H1 sử dụng, nhà bà L xây khi cụ M còn sống và nhà anh Đ xây khi đã tranh chấp.

Trước khi chết, cụ R không để lại di chúc, năm 2010 cụ M có để lại di chúc cho bà H1 được sử dụng toàn bộ phần đất nhà, đất ruộng và căn nhà cấp 4 bà H1 đang ở.

Đến năm 2011 bà và các anh em bà khởi kiện bà H1 yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại. Tại Bản án phúc thẩm số: 35/2016/DSPT ngày 25-01-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định buộc bà H1 phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế gồm: Phan Thị D, Phan Thị Q, Phan Thị L, Phan Thị Thu V, Phan Văn L2, Phan Văn N2 mỗi người 8.234.722 đồng. Buộc bà H1 thanh toán lại cho các con bà N1 (gồm: Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q, Phan Văn Đ) được hưởng chung số tiền 8.234.722 đồng. Buộc bà H1 thanh toán cho các con ông M1 (gồm: Phan Minh T4, Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 8.234.722 đồng.

Bà H1 được quyền sở hữu 1/3 giá trị căn nhà là 102.696.333 đồng và giá trị 3 mái che bên hông nhà là 4.479.000 đồng và được quyền tiếp tục quản lý 2/3 căn nhà để dùng vào việc thờ cúng có trị giá 205.392.666 đồng (Căn nhà cấp 4A có diện tích 211,6 m² nằm trên diện tích đo đạc thực tế là 1.889 m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh).

Bà Phan Thị H1 được quyền sử dụng phần đất đối với diện tích đất 9.696,8 m² tọa lạc tại xã N1 (L1), huyện C và tiếp tục quản lý diện tích 9.696,8 m² đất (phần hết thời hiệu khởi kiện), tọa lạc tại xã N1 (L1), huyện C. Tổng cộng là 19.393,6 m² đất thuộc tờ bản đồ số 09 (bản đồ ảnh 299) tọa lạc tại khu vực ấp L2, xã L1 (trong giấy ghi xã N1) huyện C, tỉnh Tây Ninh (Một phần đất diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02250 QSDĐ/E10 cấp ngày 06-01-1996, do cụ Phan Văn M đứng tên) có sơ đồ vị trí khu đất kèm theo bản án phúc thẩm.

Bà H1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất 944,5 m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh và tiếp tục quản lý diện tích đất 944,5 m² (Phần di sản của cụ R đã hết thời hiệu) tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tổng cộng là 1.889 m², trích đo từ thửa số 23, tờ bản đồ số 50, thửa mới 212, bản đồ mới số 21; đất tọa lạc tại khu vực ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00183 QSDĐ/448/01/QĐUB (HL) cấp ngày 31-7-2001 do cụ Phan Văn M đứng tên, có sơ đồ kèm theo.

Bà thống nhất với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đối với phần di sản của cụ M giao cho bà H1 được quyền sử dụng, bà không có ý kiến gì. Đối với phần di sản của cụ R đã hết thời hiệu nên Tòa án tỉnh Tây Ninh đã giao cho bà H1 tiếp tục quản lý sử dụng, hiện nay Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực quy định thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm. Vì vậy, nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ R để lại là phần đất có diện tích 9.696,8 m², tọa lạc tại: Ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh và phần đất có diện tích 944,5 m² tọa lạc tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh làm 9 phần bằng nhau cho 9 anh, chị, em bà. Riêng người nào mất thì con cháu của người đó được hưởng, bà xin nhận một phần bằng hiện vật vì bà là con của cụ R.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Phan Thị H1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian cha mẹ chết, về các anh chị em và khối tài sản mà cụ M, cụ R để lại. Phần đất ruộng qua đo đạc thực tế có diện tích 19.393.6 m² tọa lạc tại ấp L2, xã L1 (N1), huyện C, Tây Ninh có nguồn gốc của ông, bà nội của bà là cụ Phan Ngọc và cụ Huỳnh Thị Bạch cho cha bà là cụ Phan Văn M. Phần đất này cụ M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 14.138 m²; việc ông bà nội của bà có cho mẹ của bà là cụ R hay không thì bà không biết. Phần đất nhà ở có diện tích đo đạc thực tế là 1.889 m², tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có nguồn gốc do ông, bà cô của bà là cụ Phan Văn Đ1 và cụ Tô Thị R1 cho cha bà là Phan Văn M. Phần đất này trước đây do cụ M đứng tên, hiện nay bà đã làm thủ tục đăng ký kê khai và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06589 ngày 08-11-2017, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21. Ngoài ra bà và cụ M còn cùng nhau góp tiền xây căn nhà mà hiện nay vợ chồng bà đang ở để làm nhà thờ.

Khi cụ M chết có để lại di chúc ngày 31-7-2006. Nội dung di chúc cụ M chỉ ghi chung lại cho bà được hưởng. Riêng mẹ bà là cụ R chết năm 2000 không có để lại di chúc. Tại bản án phúc thẩm số: 35/2016/DSPT ngày 25/01/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà xong.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của mẹ bà là cụ R chết không để lại di chúc là phần đất có diện tích 9.696,8 m², tọa lạc tại ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh và phần đất có diện tích 944,5 m², tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh làm 9 phần bằng nhau cho 9 anh chị em. Riêng người nào mất thì con cháu của người đó được hưởng. Bà không đồng ý chia di sản thừa kế vì năm 2011 bà D đã khởi kiện và đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Phần di sản của mẹ là cụ R hết thời hiệu đã giao cho bà

quản lý, do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị Q trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà D, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật. Bà hiện nay có nhà ở ổn định nhưng muốn chia bằng hiện vật phần đất nhà tại Đ để cho lại cho anh Lập cất nhà ở. Riêng phần đất ruộng tại L1 bà xin nhận bằng hiện vật đất nhưng đồng ý giao cho bà D sử dụng, bà D có trách nhiệm giao lại trị giá bằng tiền cho bà.

- Bà Phan Thị Thu V trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà D, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật. Hiện nay bà đã có nhà ở ổn định nhưng muốn chia bằng hiện vật phần đất nhà tại Đ để cho lại cho anh Lập cất nhà ở. Riêng phần đất ruộng tại L1 bà xin nhận bằng hiện vật đất nhưng đồng ý giao cho bà D sử dụng, bà D có trách nhiệm giao lại trị giá bằng tiền cho bà.

- Bà Phan Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà D, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Trước khi cụ M qua đời, bà đã xây dựng căn nhà tường cấp 4 có diện tích 87,15 m², trên phần đất có diện tích 1.889 m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, bằng tiền của bà. Hiện nay bà không có nhà ở nào khác ngoài căn nhà này. Nay bà yêu cầu được sử dụng căn nhà và đất mà hiện tại bà đang ở, bà đồng ý giao lại trị giá bằng tiền cho những người thừa kế khác. Riêng phần đất ruộng tại L1 bà xin nhận bằng hiện vật đất nhưng đồng ý giao cho bà D sử dụng, bà D có trách nhiệm giao lại trị giá bằng tiền cho bà.

- Anh Phan Văn Đ trình bày: Anh là con của bà Phan Thị N1 chết ngày 22-9-1980. Cha mẹ anh có 04 người con gồm: Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q và anh (do ông ngoại của anh là cụ M đi làm giấy khai sinh cho anh nên lấy họ mẹ và khai anh sinh năm 1981, nhưng thực tế anh sinh năm 1980). Nay các anh em của anh ủy quyền cho anh tham gia tố tụng và quyết định toàn bộ nội dung vụ án, anh thống nhất với lời trình bày của bà D. Hiện nay anh không có nơi ở nào khác ngoài căn nhà có diện tích 56,2 m², trên phần đất có diện tích 1.889 m², tọa lạc tại xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nay anh yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R để lại cho các anh em của anh được hưởng 1 phần, anh xin nhận bằng hiện vật đất. Anh yêu cầu được sử dụng phần đất mà anh hiện đang ở và đồng ý giao lại trị giá bằng tiền cho những người thừa kế khác. Riêng phần đất ruộng tại L1 anh xin nhận bằng hiện vật đất nhưng đồng ý giao cho bà D sử dụng, bà D có trách nhiệm giao lại trị giá bằng tiền cho anh em anh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Hồng T5, anh Phan Minh T4 - bà Lê Ngọc D1 trình bày:* Chồng bà là ông Phan Trung M1 chết 14-3-2000, vợ chồng bà có 02 người con gồm: Phan Minh T4, sinh năm 1980 và Phan Hồng T5 sinh năm 1981, chồng bà chết trước cụ R. Nay bà đại diện cho các con bà thống nhất với lời trình bày của bà D, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Các con bà xin hưởng phần thừa kế của ông M1, bà yêu cầu nhận bằng hiện vật phần đất tại ấp T, xã Đ để lại cho ông L2 cất nhà ở. Riêng phần đất ruộng tại L1 bà xin nhận bằng hiện vật đất nhưng đồng ý giao cho bà D sử dụng, bà D có trách nhiệm giao lại trị giá bằng tiền cho các con bà.

- *Ông Lê Văn C1 trình bày:*

Ông là chồng của bà H1, căn nhà mà ông và bà H1 đang ở là do cụ M bỏ tiền ra cùng vợ chồng ông xây, chị em bên vợ ông tranh chấp thì do chị em vợ ông tự giải quyết, ông không có ý kiến gì.

- *Bà Lê Thị Thu H trình bày:* Chồng bà là ông Phan Văn N2, sinh năm 1971, chết ngày 22/10/2016 là con của cụ M và cụ R. Vợ chồng bà có 04 người con Phan Thị Thu T, Phan Thị Thu T1, Phan Thanh T3 và Phan Thanh T2. Nay các con bà đã trưởng thành và ủy quyền cho bà tham gia tố tụng và quyết định toàn bộ vụ án. Nay bà D khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ R chết để lại là phần đất có diện tích 9.696,8 m², tọa lạc tại ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh và phần đất có diện tích 944,5 m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh thì bà không có ý kiến gì. Nếu ông N2 được hưởng 01 phần thì bà xin giao lại cho bà H1 được hưởng để bà H1 cúng giỗ cha mẹ. Bà và các con bà xin từ chối nhận phần di sản này.

- *Ông Phan Văn L2 trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà D, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu nhận bằng hiện vật đối với phần thừa kế mà ông được hưởng.

- *Ông Nguyễn Văn L1 trình bày:*

Ông là chồng của bà L, căn nhà mà ông và bà L đang ở là do vợ chồng ông bỏ tiền ra xây dựng nên ông không đồng ý chia, đây là tài sản riêng của vợ chồng ông. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà D và chị em bên vợ ông thì do chị em vợ ông tự giải quyết, ông không có ý kiến gì.

- *Chị Nguyễn Thị Thanh T6 trình bày:* Chị là vợ của anh Đ, khi chị về làm dâu thì đã ở trên đất, chị không biết rõ nguồn gốc đất mà hiện nay đang tranh chấp.

Riêng căn nhà chị và anh Đ đang ở là do vợ chồng chị bỏ tiền ra xây dựng nên chị không đồng ý chia, đây là tài sản riêng của vợ chồng chị. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà D và anh Đ thì do anh Đ tự giải quyết, chị không có ý kiến gì. Tuy nhiên hiện nay chị không có nơi ở nào khác ngoài căn nhà này nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị tiếp tục được ở trên phần đất này. Chị đồng ý cùng anh Đ giao lại trị giá bằng tiền cho những thừa kế khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ và Điều 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị L, Phan Thị Q, Phan Thị Thu V, Phan Văn L2, bà N1 (Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q), ông M1 (Phan Minh T4, Phan Hồng T5) yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với bà Phan Thị H1.

2. Phần chia bằng hiện vật đất.

- Bà Phan Thị L được quyền sử dụng đối với diện tích đất 314,2 m² (trong đó có đất ở nông thôn 88,4 m², đất trồng cây lâu năm 225,8 m²). Tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; có tứ cận: Đông, Tây, Nam, Bắc, có sơ đồ đất kèm theo bản án sơ thẩm.

Trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích 88,4 m² và các cây trái trên đất.

- Bà Phan Thị H1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất 1298,2 m² (đất ở nông thôn 216 m², đất trồng cây lâu năm 1.082,2 m²). Trong đó có 944,5m² thừa kế theo di chúc của ông Mía đã được chia xong và phần được chia thêm 353,7 m²), tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; có tứ cận: Đông, Tây, Nam, Bắc, có sơ đồ đất kèm theo bản án sơ thẩm.

Trên đất có căn nhà cấp 4 với diện tích 216 m² và các cây trái trên đất.

- Bà Phan Thị H1 và anh Phan Văn Đ sử dụng chung đối với diện tích đất 32,46 m² đất, có chiều ngang 02 m dài 16,23 m làm lối đi chung. Tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; có tứ cận: Đông, Tây, Nam, Bắc, có sơ đồ đất kèm theo bản án sơ thẩm.

- Bà Phan Thị H1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất 12.605,8m² (trừ QHGT 183,2 m²) đất tọa lạc tại ấp L2, xã L1 (trong giấy ghi xã N1), huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 362, tờ bản đồ số 12 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02250 QSDĐ/E10 cấp ngày 06-01-1996, do cụ Phan Văn M đứng tên, có tứ cận: Đông, Tây, Nam, Bắc, có sơ đồ đất kèm theo bản án sơ thẩm.

- Anh Phan Văn Đ được quyền sử dụng đối với diện tích đất 244,4 m² (trong đó có đất ở nông thôn 56,2 m², đất trồng cây lâu năm 188,2 m²). Tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; Có tứ cận: Đông, Tây, Nam, Bắc, có sơ đồ đất kèm theo bản án sơ thẩm. Trên đất có xây dựng căn nhà cấp 4 với diện tích 56,2 m².

- Bà Phan Thị D được sử dụng phần đất có diện tích 6.787,8 m² (trừ QHGT 209,0 m²), đất tọa lạc tại ấp L2, xã L1 (trong giấy ghi xã N1), huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 363, tờ bản đồ số 12 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02250 QSDĐ/E10 cấp ngày 06-01-1996, do cụ Phan Văn M đứng tên, có tứ cận: Đông, Tây, Nam, Bắc, có sơ đồ đất kèm theo bản án sơ thẩm.

3. Phần chia bằng trị giá:

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế: Bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2, bà Phan Thị L, mỗi người nhận 38.787.200 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm đồng).

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho các con của ông M1 (gồm Phan Minh T4 và Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 38.787.200 đồng.

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho các con của bà N1 (gồm Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q thừa kế thế vị nhận) được hưởng chung số tiền 38.787.200 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm đồng), do Phan Văn Đ đại diện nhận tiền.

- Buộc bà Phan Thị L phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế gồm bà Phan Thị D, bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2 mỗi người được nhận số tiền 44.281.854 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi một ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

- Buộc bà Phan Thị L phải thanh toán lại cho bà Phan Thị H1 số tiền 12.840.685 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

- Buộc bà Phan Thị L phải thanh toán lại cho các con của ông M1 (gồm Phan Minh T4 và Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 44.281.854 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi một ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

- Buộc anh Phan Văn Đ đại diện cho các anh em anh phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế gồm bà Phan Thị D, bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2 mỗi người được nhận số tiền 21.467.991 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi một ngàn đồng).

- Buộc anh Phan Văn Đ đại diện cho các anh em anh phải thanh toán lại cho các con của ông M1 (gồm Phan Minh T4 và Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 21.467.991 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi một ngàn đồng).

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp về nhà anh Đ, bà H1, bà L và các công trình khác trên đất. Ghi nhận bà Lê Thị Thu H đồng ý cho kỷ phần bà và các con bà được hưởng cho bà H1, bà H1 đồng ý nhận nên ghi nhận.

Giữa anh Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q nếu có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung anh Đ là người nhận, được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá; án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, bị đơn là bà Phan Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn là bà Phan Thị D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận chia di sản thừa kế thành 10 phần và không chấp nhận chia thêm 01 phần công sức giữ gìn tài sản cho bà H1; yêu cầu chia di sản thừa kế thành 09 phần cho 09 người con mỗi người 01 phần bằng nhau; không đồng ý lỗi đi chung vì đường này đã có từ trước; không đồng ý để bà L, anh Đ giao tiền lại cho bà vì bà L, anh Đ quá nghèo

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, bà Lê Ngọc D1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Phan Minh T4 và anh Phan Hồng T5, kháng cáo yêu cầu xét xử lại theo hướng không đồng ý chia di sản thừa kế thành 10 phần; yêu cầu chia di sản thừa kế thành 09 phần cho 09 người con mỗi người 01 phần bằng nhau; không đồng ý để bà L, anh Đ giao tiền lại cho bà vì bà L, anh Đ quá nghèo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D, bà H1, ông C1, bà D1 giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, bà H1, ông C1, bà D1; giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét về phần án phí đối với người cao tuổi là bà D và bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cụ Phan Văn M sinh năm 1930, chết ngày 26/9/2010 và cụ Lê Thị R sinh năm 1930, chết ngày 24/9/2000 sinh thời có 09 người con gồm: Phan Thị D, Phan Thị Q (N), Phan Thị L, Phan Thị Thu V, Phan Văn L2, Phan Thị H1, Phan Thị N1, Phan Trung M1 và Phan Văn N2.

[2] Di sản tranh chấp là hai phần đất có diện tích 944,5 m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C và phần đất có diện tích 9.696,8 m², tọa lạc tại ấp L2, xã L1, huyện C. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 35/2016/DSPT ngày 25/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xác định hai phần đất này là phần di sản của cụ R chết để lại chưa chia và không có di chúc nhưng đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 2005 và giao cho bà H1 được tiếp tục quản lý. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời điểm mở thừa kế của cụ R là ngày 24/9/2000 tính đến nay là chưa đủ 30 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự cũng thống nhất hai phần đất này là ½ tài sản của cụ M và cụ R tạo lập khi còn sống, phần tài sản của cụ M đã được phân chia theo di chúc

và chia theo pháp luật xong, còn lại hai phần đất này là phần di sản của cụ R khi chết không để lại di chúc. Do đó, các đương sự yêu cầu chia di sản của cụ R chết để lại bao gồm hai phần đất nêu trên là có cơ sở.

[3] Về hàng thừa kế của cụ R:

[3.1] Cụ R chết năm 2000, tại thời điểm cụ R chết thì cụ M vẫn còn sống nên cụ M cũng thuộc hàng thừa kế của cụ R, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét cho cụ M được hưởng một kỷ phần thừa kế của cụ R là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đúng. Như vậy, hàng thừa kế của cụ R được xác định lại bao gồm những người như sau: Cụ Phan Văn M, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Q (N), bà Phan Thị L, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị N1, ông Phan Trung M1, ông Phan Văn N2. Riêng bà N1 chết năm 1980 nên 04 người con của bà N1 là Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q, Phan Văn Đ là thừa kế thế vị; ông Phan Trung M1 chết ngày 14/3/2000 nên 02 người con của ông M1 là Phan Hồng T5, Phan Minh T4 là thừa kế thế vị; ông Phan Văn N2, chết ngày 22/10/2016 nên vợ ông N2 là Lê Thị Thu H và 04 người con của ông N2 là Phan Thị Thu T, Phan Thị Thu T1, Phan Thanh T2, Phan Thanh T3 là thừa kế chuyển tiếp. Tổng cộng có 10 người được thừa kế di sản của cụ R.

[3.2] Khi chia di sản của cụ R, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét công sức đóng góp, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất cũng như công sức chăm sóc, nuôi dưỡng hai cụ M, cụ R lúc còn sống của bà H1 nên đã chia cho bà H1 được hưởng phần di sản nhiều hơn các đồng thừa kế khác là có cơ sở. Cụ thể chia di sản của cụ R thành 11 phần bằng nhau, trong đó mỗi người được hưởng 01 phần, trích 01 phần công sức đóng góp cho bà H1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bà Lê Thị Thu H đại diện theo ủy quyền của chị T, chị T1, anh T2, anh T3 tự nguyện thỏa thuận giao kỷ phần thừa kế ông N2 được hưởng cho bà Phan Thị H1, để bà H1 thờ cúng ông bà và bà H1 đồng ý nhận. Xét thấy, thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[3.4] Kỷ phần di sản của cụ M được hưởng, thấy rằng: Khi còn sống, cụ M đã để lại di chúc cho bà H1 được hưởng toàn bộ di sản của mình, thể hiện nguyện vọng, ý chí của cụ M cho bà H1 được hưởng tất cả tài sản của cụ, nên cần giao cho bà H1 kỷ phần thừa kế mà cụ M được hưởng. Do vậy, bà H1 được hưởng tổng cộng 04 kỷ phần thừa kế.

[4] Do xác định lại hàng thừa kế nên cần chia lại di sản của cụ R như sau:

[4.1] Đối với phần đất diện tích 944,5 m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Do trên phần đất này hiện nay bà L, bà H1, anh Đ đã xây nhà tường cấp 4 kiên cố. Anh Đ và bà L không có nơi ở nào khác, có yêu cầu được sử dụng phần

đất hiện đang ở và đồng ý giao lại bằng giá trị cho những thừa kế khác. Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên hiện trạng nhà và đất của bà L, anh Đ và buộc bà L, anh Đ phải thanh toán giá trị bằng tiền chênh lệch cho những đồng thừa kế khác, tương ứng với kỹ phần thừa kế mà các đồng thừa kế được sở hữu, sử dụng là có cơ sở. Cụ thể: Thực tế sử dụng phần đất diện tích 944,5 m² như sau:

- Bà L đang sử dụng một phần có diện tích 314,2 m², trị giá 300.000.000 đồng;

- Anh Đ đang sử dụng một phần có diện tích 244,4 m², trị giá 165.000.000 đồng;

- Bà H1 đang sử dụng một phần có diện tích 353,44 m², trị giá 176.190.000 đồng.

- Lối đi chung của bà H1 và anh Đ có diện tích 32,46 m², trị giá 16.181.000 đồng.

Tổng cộng giá trị di sản phần đất diện tích 944,5 m² là: 657.371.000 đồng, chia cho 11 kỹ phần, mỗi kỹ phần được hưởng là 59.761.000 đồng. Di sản được chia như sau:

- Bà H1 được hưởng 04 kỹ phần x 59.761.000 đồng = 239.044.000 đồng. Bà H1 được chia bằng hiện vật là phần đất diện tích 353,44 m² (trị giá 176.190.000 đồng) + ½ lối đi chung với anh Đ có diện tích 16,23 m² (trị giá 8.090.000 đồng), tổng cộng là 184.280.000 đồng và phần đất diện tích 944,5 m² mà bà H1 đã được chia trước đó theo bản án phúc thẩm năm 2016. Như vậy, tổng diện tích bà H1 được sử dụng thực tế là 1.314.17 m². Số tiền chênh lệch thiếu so với giá trị kỹ phần bà H1 được nhận là 54.764.000 đồng, các đồng thừa kế khác có trách nhiệm thanh toán lại cho bà H1.

- Bà Phan Thị L được hưởng một phần thừa kế tương đương với số tiền 59.761.000 đồng. Bà được sử dụng phần đất có diện tích 314,2 m² trị giá 300.000.000 đồng, trừ đi số tiền mà bà được hưởng (300.000.000 đồng - 59.761.000 đồng = 240.239.000 đồng). Bà L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Phan Thị H1 số tiền 54.764.000 đồng và phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác gồm bà D, bà Q, bà V, ông L2, ông M1 (con ông M1 nhận) giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng là: 37.095.000 đồng.

- Các con bà N1 gồm: Anh Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q được hưởng chung một kỹ phần thừa kế tương đương với số tiền 59.761.000 đồng. Anh Phan Văn Đ được sử dụng phần đất có diện tích 244,4 m² trị giá 165.000.000 đồng, trừ đi số tiền kỹ phần được hưởng (165.000.000 đồng - 59.761.000 đồng = 105.239.000 đồng). Ngoài ra anh Đ được sử dụng chung con đường với bà H1 trị giá bằng tiền 8.090.000 đồng (105.239.000 đồng + 8.090.000 đồng = 113.329.000 đồng. Anh Đ và các anh em của anh Đ có trách nhiệm giao

lại cho bà D, bà Q, bà V, ông L2, ông M1 (con ông M1 nhận), mỗi người là: 22.666.000 đồng.

[4.2] Đối với di sản là phần đất diện tích 9.696,8 m², tọa lạc tại ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giá trị tài sản là 387.872.000 đồng, chia cho 11 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 35.261.091 đồng.

Các đương sự đều có yêu cầu sử dụng bằng hiện vật, nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, bà Q, bà L, anh Đ, bà D1, ông L2 đồng ý giao kỷ phần mà mình được nhận bằng hiện vật cho bà D, bà D có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế bằng trị giá tiền nên ghi nhận. Di sản được chia như sau:

- Bà H1 được hưởng 04 kỷ phần x 35.261.091 đồng = 141.044.364 đồng. Bà H1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 2.909,0 m² trị giá 116.361.600 đồng và phần đất diện tích 9.696,8 m² mà bà H1 đã được chia trước đó theo bản án phúc thẩm năm 2016. Như vậy, tổng diện tích bà H1 được sử dụng thực tế là 12.605,8 m². Số tiền chênh lệch thiếu so với giá trị kỷ phần bà H1 được nhận là 24.682.764 đồng, bà D có trách nhiệm thanh toán lại cho bà H1.

- Bà D được hưởng phần đất diện tích 6.787,8 m², trị giá 271.512.000 đồng. Bà D phải thanh toán lại cho bà H1 24.682.764 đồng và phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác gồm: Bà Q, bà V, ông L2, bà N1 (các con bà N1 nhận), ông M1 (các con ông M1 nhận) và bà L mỗi người 35.261.091 đồng.

[5] Bà D, bà H1, ông C1, anh T4, anh T5 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, bà H1, ông C1, anh T4, anh T5; giữ nguyên bản án sơ thẩm và đề nghị xem xét miễn án phí cho người cao tuổi là bà D và bà Q.

[7] Bà D sinh năm 1952, bà Q sinh ngày 06-4-1958 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà D, bà Q là có cơ sở.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, bà H1, ông C1, anh T4, anh T5; sửa bản án sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng:

[9.1] Chi phí đo đạc, định giá: Các đương sự phải chịu chi phí đo đạc định giá theo quy định của pháp luật, tương đương với số tiền mà mình được hưởng:

Chi phí định giá là 4.500.000 đồng và chi phí đo đạc là 5.581.000 đồng. Tổng cộng là 10.081.000 đồng. Mỗi kỹ phần thừa kế phải chịu 916.455 đồng.

Bà D đã nộp đủ số tiền đo đạc định giá xong, trừ đi số tiền mà bà phải chịu 916.455 đồng. Bà H1 phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá là 3.665.820 đồng. Bà Q, bà L, ông L2, bà V, bà N1 (các con bà N1 chịu), ông M1 (Các con ông M1 chịu) mỗi người phải trả cho bà D số tiền đo đạc định giá là 916.455 đồng.

[9.2] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với giá trị kỹ phần được chia thừa kế.

Bà D, bà Q được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Bà H1 phải chịu: 19.004.416 đồng án phí sơ thẩm.

Bà H, chị T, chị T1, anh T2, anh T3 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà L phải chịu 4.751.104 đồng án phí sơ thẩm.

Ông L2 phải chịu 4.751.104 đồng án phí sơ thẩm.

Anh T4, anh T5 cùng phải chịu 4.751.104 đồng án phí sơ thẩm.

Anh Đ, chị O, chị A, anh Q cùng phải chịu 4.751.104 đồng án phí sơ thẩm.

[10] Về án phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà D, bà H1, ông C1, anh T4, anh T5 không được chấp nhận nên họ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà D được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị D, bà Phan Thị H1, ông Lê Văn C1, anh Phan Minh T4 và anh Phan Hồng T5.

- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ và Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị L, bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2, anh Phan Văn Đ, chị

Ngô Kiều O, chị Ngô Kiều A, anh Ngô Phương Q, anh Phan Minh T4, anh Phan Hồng T5, về việc tranh chấp thừa kế tài sản đối với bà Phan Thị H1.

2.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị R gồm hai phần đất có diện tích 944,5 m² tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C và phần đất có diện tích 9.696,8m², tọa lạc tại ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Di sản được chia thành 11 kỷ phần, cụ thể: Cụ Phan Văn M, bà Phan Thị D, Phan Thị Q (N), Phan Thị L, Phan Thị Thu V, Phan Văn L2, Phan Thị H1, các con của bà Phan Thị N1 (Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q, Phan Văn Đ), các con của ông Phan Trung M1 (Phan Hồng T5, Phan Minh T4), vợ và các con của ông Phan Văn N2 (Lê Thị Thu H, Phan Thị Thu T, Phan Thị Thu T1, Phan Thanh T2, Phan Thanh T3) mỗi người một kỷ phần thừa kế và trích 01 phần công sức đóng góp cho bà H1.

Ghi nhận vợ và các con của ông Phan Văn N2 gồm Lê Thị Thu H, Phan Thị Thu T, Phan Thị Thu T1, Phan Thanh T2, Phan Thanh T3 đồng ý giao lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà H1. Ghi nhận ý chí của cụ M thể hiện qua di chúc giao lại kỷ phần được hưởng cho bà H1. Bà H1 được nhận 04 kỷ phần thừa kế.

2.3. Chia thừa kế bằng hiện vật:

** Đối với di sản là phần đất diện tích 944,5 m² tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giá trị di sản là 657.371.000 đồng:*

- Bà Phan Thị L được quyền sử dụng đối với diện tích đất 314,2 m² (trong đó có đất ở nông thôn 88,4 m², đất trồng cây lâu năm 225,8 m²). Tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên, giá trị tài sản là 300.000.000 đồng; trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích 88,4 m² và các cây trái trên đất. Đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất bà H1 được hưởng, dài 31,77 m;
- + Phía Tây giáp thửa 211, dài 30,87 m;
- + Phía Nam giáp thửa 221, dài 10,09 m;
- + Phía Bắc giáp đường đất dài 10 m.

- Bà Phan Thị H1 và anh Phan Văn Đ sử dụng chung đối với diện tích đất 32,46 m² đất, có chiều ngang 02 m dài 16,23 m làm lối đi chung, trị giá 16.181.000 đồng. Tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất anh Đ được hưởng, dài 2 m;

- + Phía Tây giáp đất bà H1, dài 2 m;
- + Phía Nam giáp đất bà H1, dài 16,23 m;
- + Phía Bắc giáp thửa 201.

- Bà Phan Thị H1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất 1.297,94 m² (đất ở nông thôn 216 m², đất trồng cây lâu năm 1.081,94 m²). Trong đó phần di sản của cụ R mà bà H1 được chia là 353.44 m² trị giá 176.190.000 đồng và phần 944,5 m² đất thừa kế theo di chúc của cụ M đã được chia xong, tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; trên đất có căn nhà cấp 4 với diện tích 216 m² và các cây trái trên đất. Đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất anh Đ được chia, dài 18,48m và giáp thửa 192, dài 10,88 m + 18,84 m + 2,90 m + 9,11 m + 5,07 m;
- + Phía Tây giáp đất bà L được chia, dài 31,77 m và giáp thửa 221, dài 27,28m;
- + Phía Nam giáp thửa 228, dài 10,64 m + 7,41m + 3,84 m;
- + Phía Bắc giáp đường đất dài 2,72 m + 16,23 m.

- Anh Phan Văn Đ được quyền sử dụng đối với diện tích đất 244,4 m² (trong đó có đất ở nông thôn 56,2 m², đất trồng cây lâu năm 188,2 m²). Tọa lạc tại Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 21, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-11-2017 cho bà Phan Thị H1 đứng tên; giá trị tài sản là 165.000.000 đồng; trên đất có xây dựng căn nhà cấp 4 với diện tích 56,2 m². Đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa 192, dài 8,01 m + 12,63 m;
- + Phía Tây giáp đường đất, dài 2 m; giáp đất bà H1 được chia, dài 18,48m;
- + Phía Nam giáp đất bà H1 được chia, dài 11,70 m;
- + Phía Bắc giáp thửa 201, dài 11 m.

**Đối với di sản là phần đất diện tích 9.696,8 m², tọa lạc tại ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giá trị di sản là 387.872.000 đồng:*

- Bà Phan Thị H1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất 2.909,0 m² trị giá 116.361.600 đồng và 9.696,8 m² đất thừa kế theo di chúc của ông Mía đã được chia xong. Tổng cộng bà H1 được sử dụng phần đất có diện tích 12.605,8 m² (trừ QHGT 183,2 m²) đất tọa lạc tại ấp L2, xã L1 (trong giấy ghi xã N1), huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 362, tờ bản đồ số 12 nằm trong giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số: 02250 QSDĐ/E10 cấp ngày 06-01-1996, do cụ Phan Văn M đứng tên; đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất bà D được hưởng, dài 13,64 m + 9,62 m + 324,68m;

+ Phía Tây giáp đường nhựa, dài 4,89 m + 6,21 m; giáp thửa 22 dài 77,69m; giáp thửa 13 dài 10,67 m; giáp thửa 14 dài 9,96 m; giáp thửa 12 dài 10,16 m; giáp thửa 114 dài 14,42 m; giáp thửa 7 dài 8,12 m; giáp thửa 8 dài 7,98 m; giáp thửa 116 dài 8,15 m; giáp thửa 115 dài 15,04 m; giáp thửa 5 dài 27 m + 6,19 m + 8,21m + 7,30 m + 18,74 m; giáp thửa 344 dài 18,30 m + 16,39 m + 7,21 m + 5,46 m + 6,57 m; giáp nương dài 16,85 m + 17,78 m;

+ Phía Nam giáp đường nhựa, dài 11,50 m;

+ Phía Bắc giáp nương, dài 30,48 m + 11,35 m + 10 m + 13,71 m.

- Bà Phan Thị D được sử dụng phần đất có diện tích 6.787,8 m² (trừ QHGT 209,0 m²), đất tọa lạc tại ấp L2, xã L1 (trong giấy ghi xã N1), huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc thửa 363, tờ bản đồ số 12 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02250 QSDĐ/E10 cấp ngày 06-01-1996, do cụ Phan Văn M đứng tên, giá trị tài sản: 271.512.000 đồng; đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa 26, dài 59,18 m + 59,17 m + 19,94 m + 11,59 m + 28,06 m + 16,48 m + 6,38 m + 23,89 m + 17,83 m + 30,37 m + 14,54 m + 18,33 m + 20,54 m; giáp thửa 33 dài 22,88 m;

+ Phía Tây giáp đất bà H1 được hưởng, dài 13,64 m + 9,62 m + 324,68m;

+ Phía Nam giáp đường nhựa dài 11,50 m + 24,19 m; giáp thửa 26 dài 10,02m + 5,65 m + 11,47 m;

+ Phía Bắc giáp nương, dài 13,71 m.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án này.

2.4. Phân thanh toán chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế:

- Buộc bà Phan Thị L phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế gồm bà Phan Thị D, bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2 mỗi người được nhận số tiền 37.095.000 (ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc bà Phan Thị L phải thanh toán lại cho các con của ông M1 (gồm Phan Minh T4 và Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 37.095.000 (ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc bà Phan Thị L phải thanh toán lại cho bà Phan Thị H1 số tiền 54.764.000 (năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

- Buộc anh Phan Văn Đ đại diện cho các anh em của anh Đ phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế gồm bà Phan Thị D, bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2 mỗi người được nhận số tiền 22.666.000 (Hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

- Buộc anh Phan Văn Đ đại diện cho các anh em anh phải thanh toán lại cho các con của ông M1 (gồm Phan Minh T4 và Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 22.666.000 (Hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp về nhà anh Đ, nhà bà H1, nhà bà L; các công trình khác và cây trái trên đất.

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho bà Phan Thị H1 số tiền 24.682.764 (hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế: Bà Phan Thị Q, bà Phan Thị Thu V, ông Phan Văn L2, bà Phan Thị L, mỗi người 35.261.091 (Ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn không trăm chín mươi một) đồng.

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho các con của ông M1 (gồm Phan Minh T4 và Phan Hồng T5) được hưởng chung số tiền 35.261.091 (Ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn không trăm chín mươi một) đồng.

- Buộc bà Phan Thị D phải thanh toán lại cho các con của bà N1 (gồm Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q) được hưởng chung số tiền 35.261.091 (Ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn không trăm chín mươi một) đồng, do Phan Văn Đ đại diện nhận tiền.

Giữa anh Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q nếu có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung anh Đ là người nhận, được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí đo đạc, định giá:

- Bà D phải chịu 916.455 (chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng. Ghi nhận đã nộp xong.

- Bà Phan Thị H1 phải chịu 3.665.820 (Ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi) đồng. Bà H1 có nghĩa vụ trả lại cho bà D 3.665.820 đồng.

- Bà Phan Thị Q, bà Phan Thị L, ông Phan Văn L2, bà Phan Thị Thu V, mỗi người phải chịu 916.455 (chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng, nộp trả cho bà D.

- Anh Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q cùng phải chịu 916.455 (chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng, nộp trả cho bà D.

- Anh Phan Minh T4, Phan Hồng T5 cùng phải chịu 916.455 (chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng, nộp trả cho bà D.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị D được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà D 1.217.737 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018095 ngày 17-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Phan Thị H1 phải chịu 19.004.416 (mười chín triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm mười sáu) đồng án phí sơ thẩm.

- Bà Phan Thị L phải chịu 4.751.104 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018245 ngày 18-9-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà L còn phải nộp thêm 3.534.104 đồng.

- Bà Phan Thị Q được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Q 1.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018248 ngày 18-9-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Phan Thị Thu V phải chịu 4.751.104 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018247 ngày 18-9-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà V còn phải nộp thêm 3.534.104 đồng.

- Ông Phan Văn L2 phải chịu 4.751.104 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018246 ngày 18-9-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông L2 còn phải nộp thêm 3.534.104 đồng.

- Anh Phan Minh T4, Phan Hồng T5 cùng phải chịu chung 4.751.104 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu số: 0018244 ngày 18-9-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T4, anh T5 còn phải nộp thêm 3.534.104 đồng.

- Anh Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q cùng chịu chung 4.751.104 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018330 ngày 01-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Phan Văn Đ, Ngô Kiều O, Ngô Kiều A, Ngô Phương Q còn phải nộp thêm 3.534.104 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Phan Thị D được miễn nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018769 ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Phan Thị H1, ông Lê Văn C1 cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0018761 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà H1, ông C1 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Anh Phan Minh T4, anh Phan Hồng T5 cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0018770 ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh T4, anh T5 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang